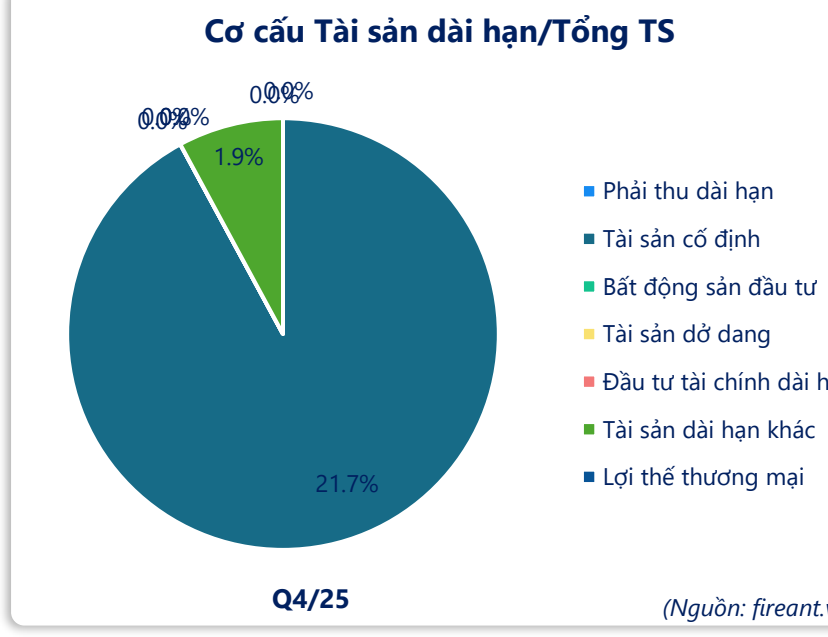
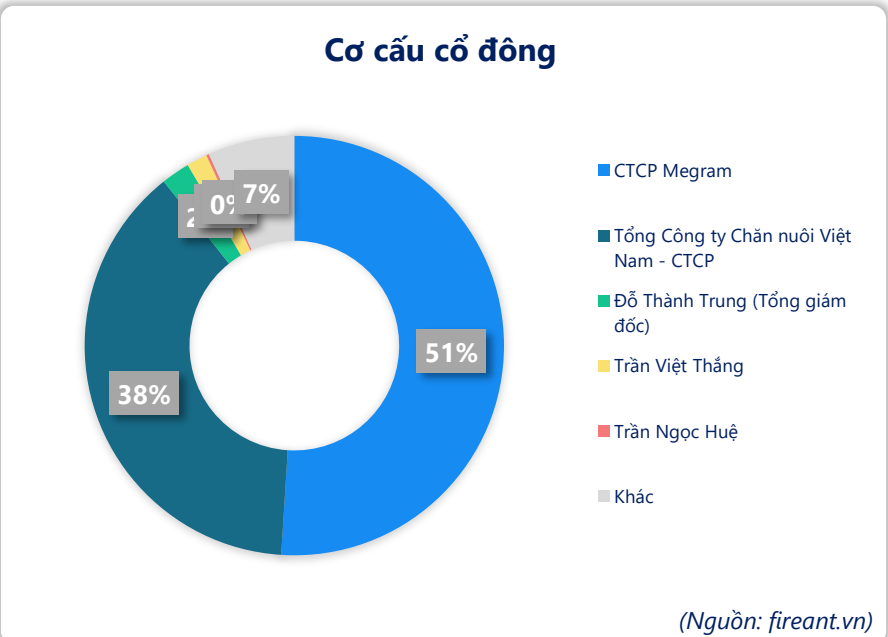
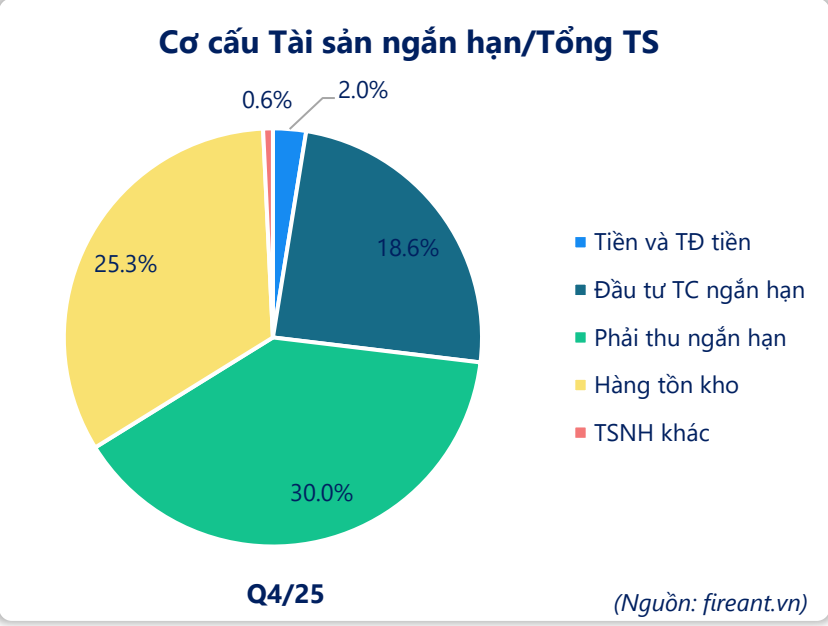
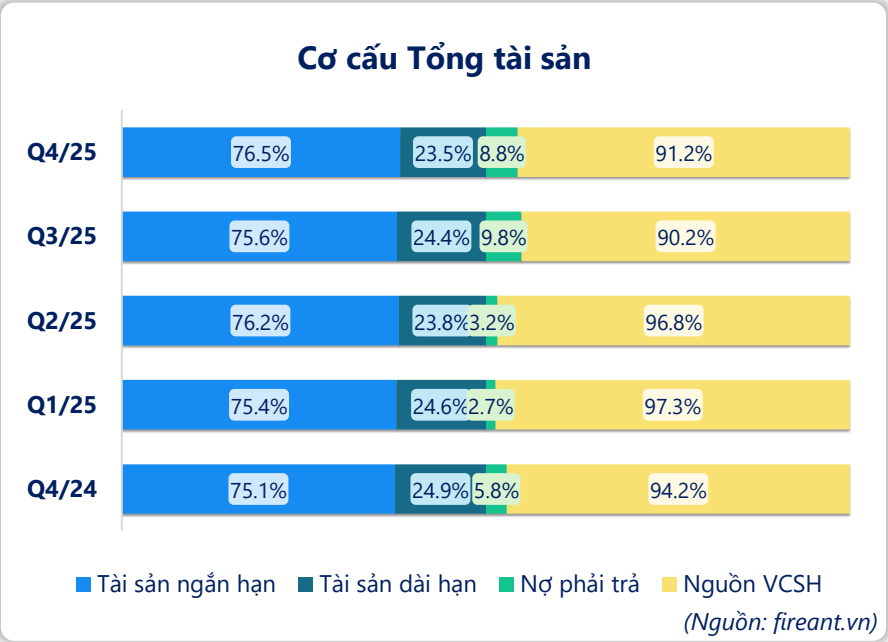
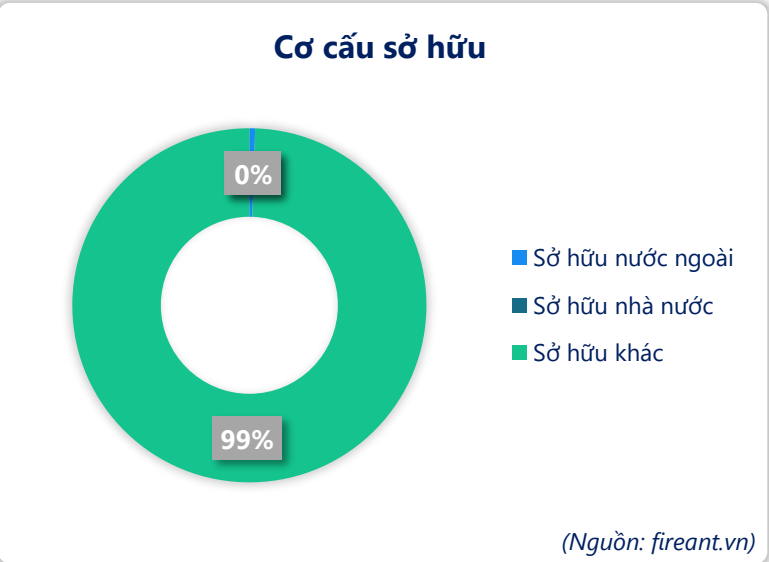
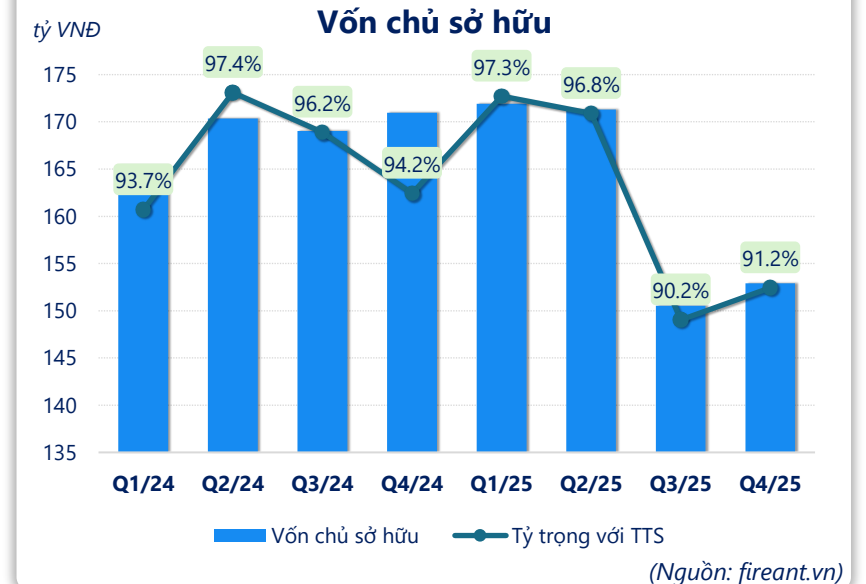
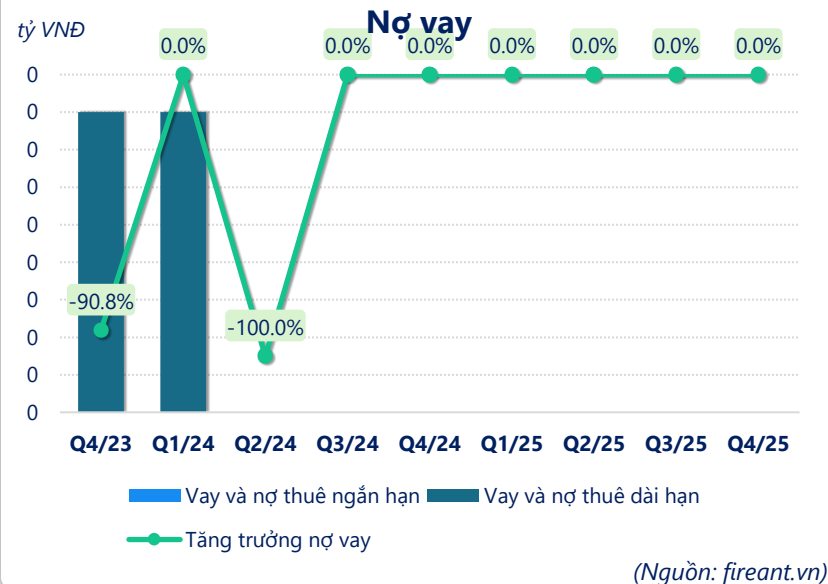
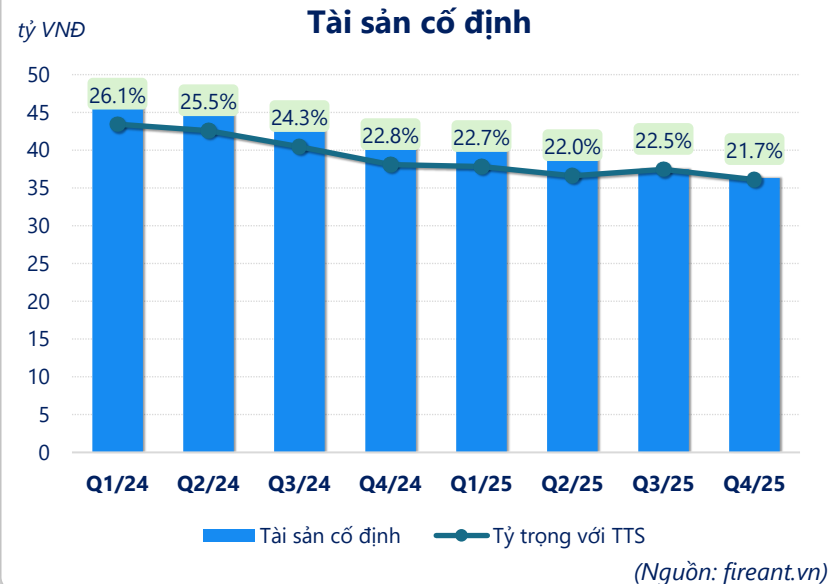
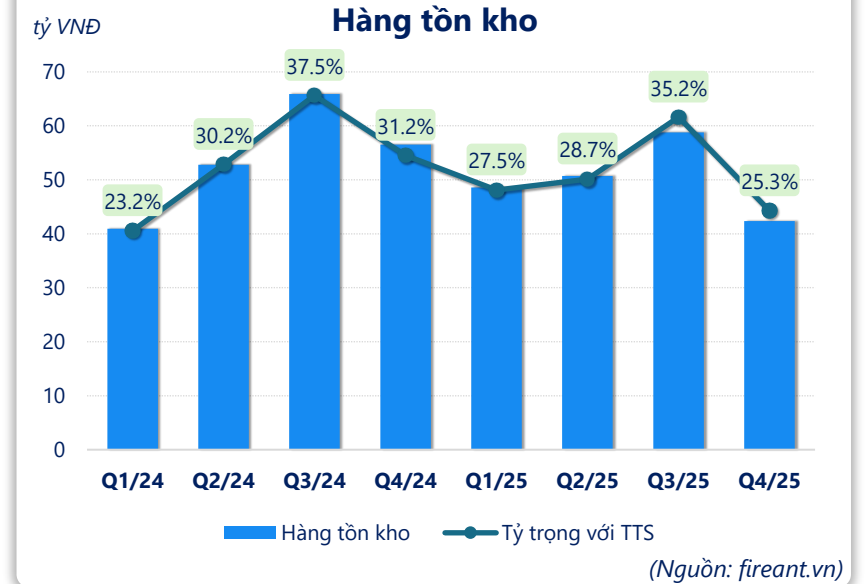
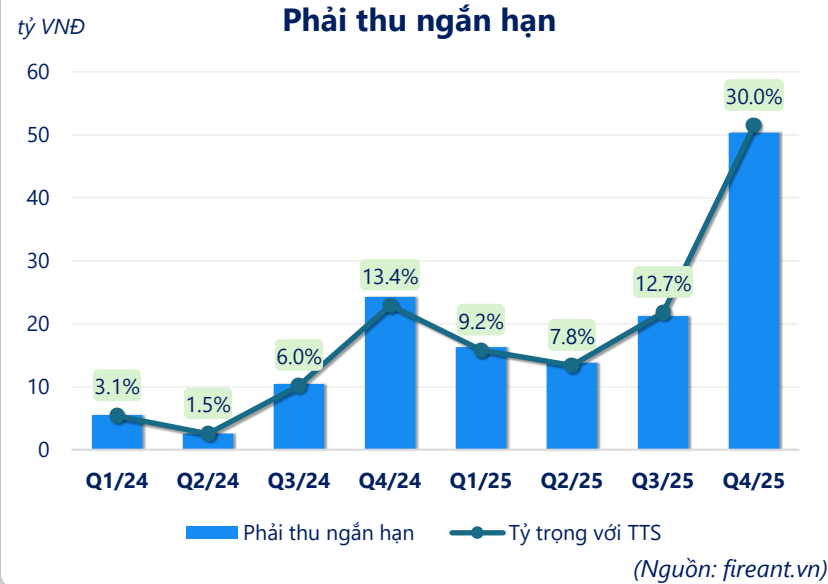
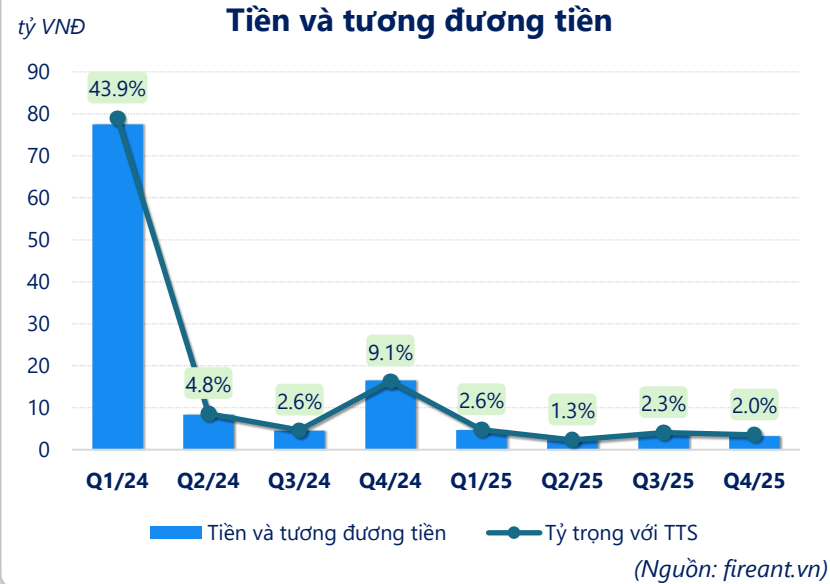
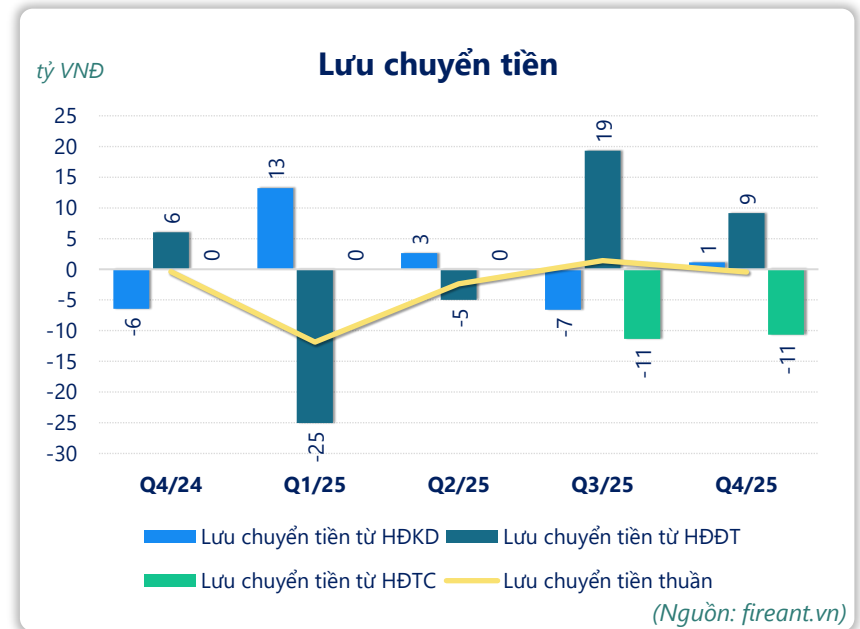
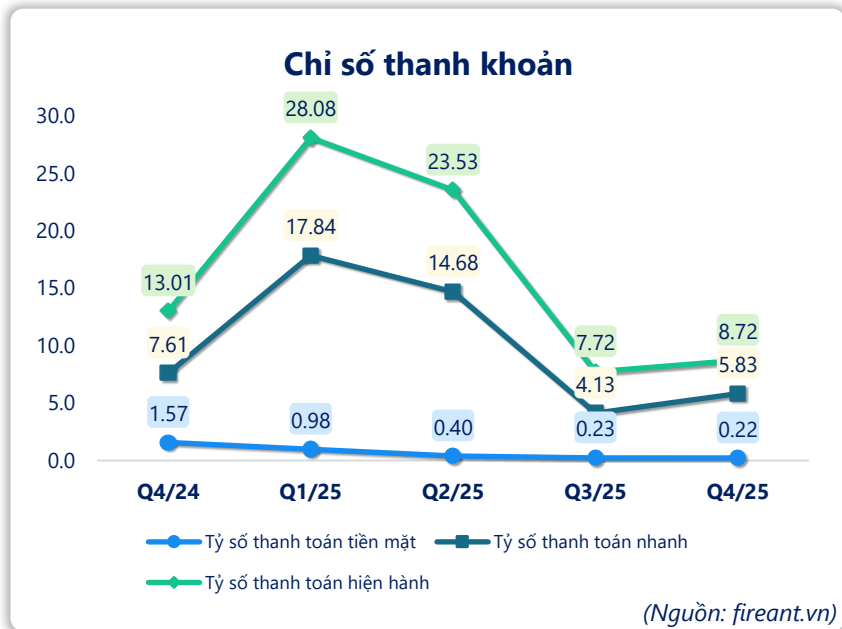
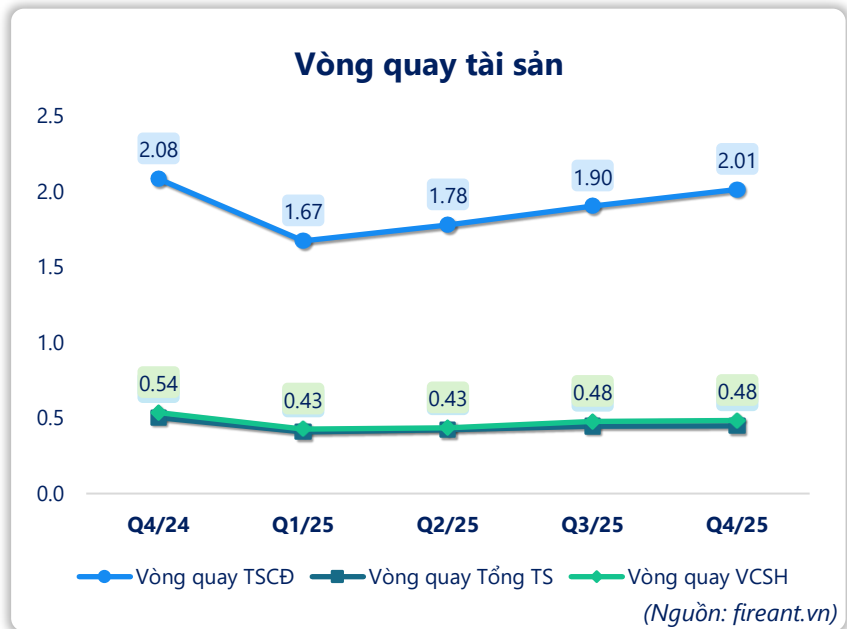
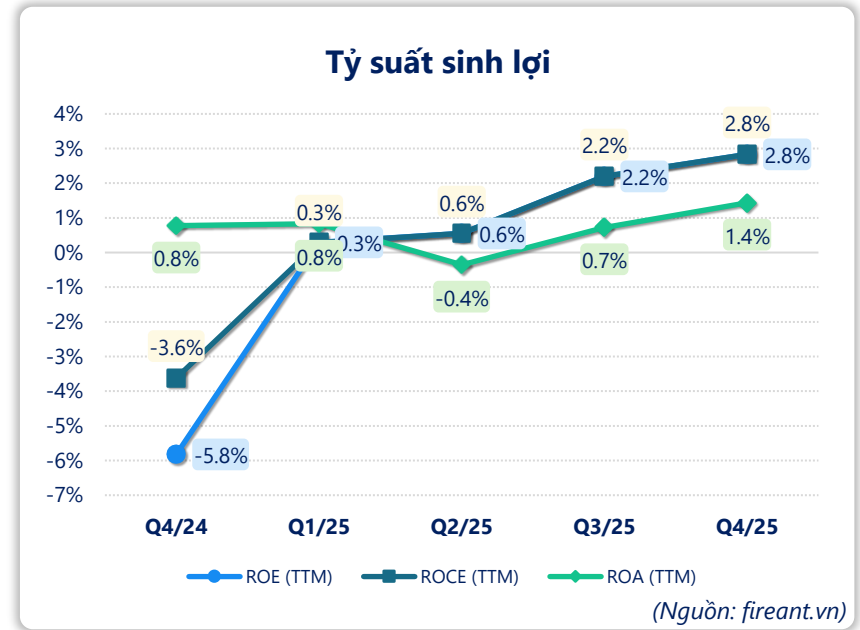
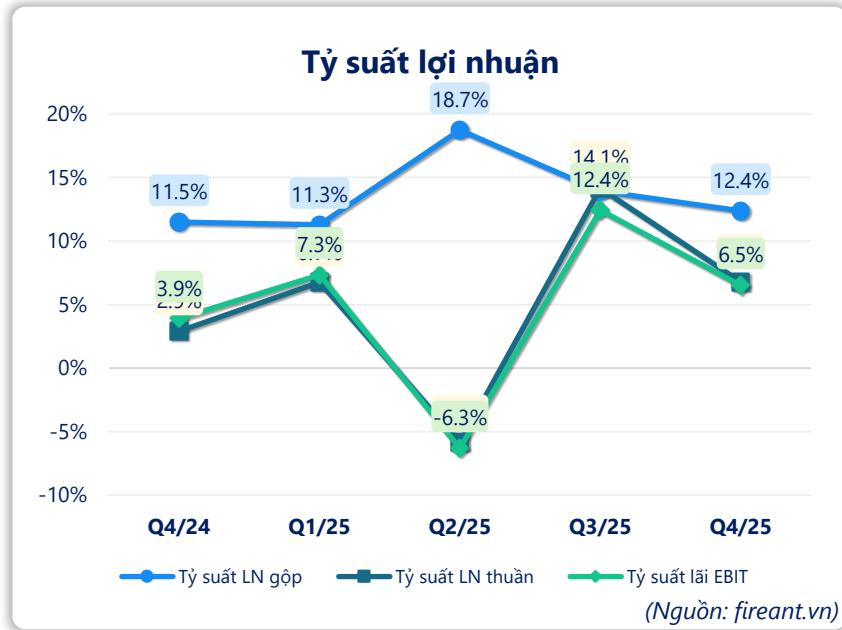
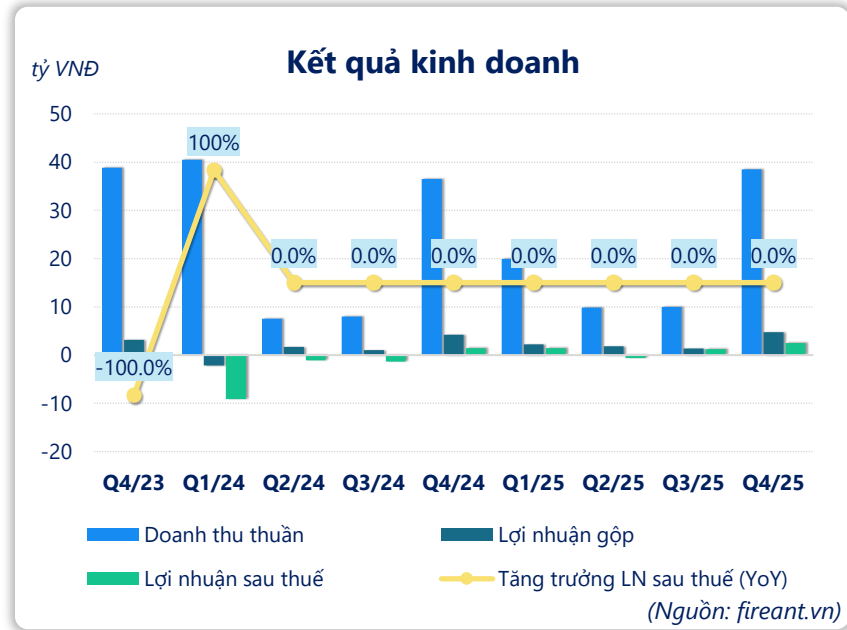


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,165
SL cổ phiếu LH		14,657,150
KLGD BQ 20 phiên (CP)		860
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		133
P/E		29.1
EPS		313

	YTD	1T	3T	6T
VDL	-14.3%	1.1%	1.1%	-3.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	168	181	-7.6%
Tài sản ngắn hạn	128	136	-5.9%
Tiền và tương đương tiền	3.27	16.5	-80.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.2	38.0	-17.8%
Phải thu ngắn hạn	50.3	24.3	107%
Hàng tồn kho	42.4	56.5	-25.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.97	0.94	3.3%
Tài sản dài hạn	39.4	45.2	-12.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.3	41.5	-12.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.11	3.74	-16.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.7	10.5	40.5%
Nợ ngắn hạn	14.7	10.5	40.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.76	2.16	28.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	153	171	-10.6%
Vốn chủ sở hữu	153	171	-10.6%
Vốn điều lệ	147	147	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	36.5	19.9	9.85	10.0	38.5
Giá vốn hàng bán	32.3	17.7	8.00	8.61	33.7
Lợi nhuận gộp	4.19	2.25	1.84	1.39	4.76
Doanh thu HĐTC	0.07	1.02	0.00	2.19	0.01
Chi phí TC	0.02	0.02	0.05	0.00	0.07
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.79	0.59	0.44	0.63	0.41
Chi phí QLDN	2.39	1.32	1.93	1.54	1.68
LN thuần từ HĐKD	1.06	1.34	-0.58	1.42	2.61
Lợi nhuận khác	0.37	0.12	-0.05	-0.17	-0.10
LN trước thuế	1.43	1.46	-0.62	1.24	2.51
Lợi nhuận sau thuế	1.43	1.46	-0.62	1.24	2.51
LNST của CĐ cty mẹ	1.43	1.46	-0.62	1.24	2.51

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.43	13.2	2.65	-6.57	1.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.03	-25.1	-5.00	19.3	9.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-11.3	-10.6
Tiền đầu kỳ	16.8	16.5	4.66	2.28	3.76
Lưu chuyển tiền thuần	-0.40	-11.9	-2.35	1.41	-0.42
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	-0.04	0.07	-0.07
Tiền cuối kỳ	16.5	4.66	2.28	3.76	3.27

(Nguồn: fireant.vn)